TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 47/2017/DS-ST Ngày 08-9-2017 V/v: "kiện chia di sản thừa kế"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lại Văn Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Việt Hùng

2. Bà Trần Thị Phượng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Đính - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:*** Ông Mai Văn Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2017/TLST-TCDS ngày 04 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp chia di sản thừa kế theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2017/QĐXXST-TCDS ngày 01 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyên đơn: Bà Vũ Thị L, sinh năm 1936.

Địa chỉ: Xóm Mỹ Thọ 1, xã HG, huyện HH, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quang S, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Ấp Phú Hợp A, xã PB, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

(Có mặt bà L, vắng mặt ông S có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 3 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Vũ Thị L trình bày:

Bà Vũ Thị L kết hôn với ông Nguyễn Văn S vào năm 1978, ông S sinh năm 1938, chết ngày 22-5-2003, vợ chồng bà không có con chung. Sau khi kết hôn bà L và ông S chung sống với nhau tại nhà riêng của bà L tại xóm Mỹ Thọ 1, xã Hải Giang. Trước đây ông S đã có vợ và có một con riêng tên là Nguyễn Quang S hiện đang cư trú tại ấp Phú Hợp A, xã PB, huyện TP, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng bà L và ông S đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 100 m^2 tại thửa số 68, tờ bản đồ số 21 xã Hải Giang vào ngày 08-7-1998. Trước khi chết ông S đã nhờ ông Mai Văn Đông viết giúp bản di chúc chung của vợ chồng, sau đó ông đưa

cho bà L cùng ký. Ông S là người giữ bản di chúc đó và chuyển cho con trai (ông S) từ khi nào thì bà không biết. Thời gian gần đây bà L mới được UBND xã Hải Giang giao cho bà L 1 bản phô tô, bản di chúc gốc hiện nay ông S vẫn đang giữ, trong bản di chúc viết diện tích thổ đất là 450 m^2 là không đúng, thực tế thổ đất chỉ có 100 m^2. Nội dung của bản di chúc là để lại hết thổ đất cho ông Nguyễn Quang S. Bà L đã nhiều lần yêu cầu ông S về để giải quyết nhưng ông S không về. Đến nay bà L khẳng định thổ đất diện tích 100 m^2 tại thửa số 68, tờ bản đồ số 21 xã Hải Giang là tài sản chung của vợ chồng bà. Ông S đã chết được hơn 14 năm, bà L hoàn toàn không nhất trí với nội dung bản di chúc, đề nghị Tòa án hủy bỏ bản di chúc, chia thừa kế của ông S để lại theo quy định của pháp luật, bà L xin được chia bằng hiện vật, nhận quản lý, sử dụng cả thổ đất nêu trên và nhận trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch cho ông S. Năm 2010 bà L được Công ty đường gòn và Cựu thanh niên xung phong xây cho một nhà tình nghĩa hiện nay bà L đang sử dụng.

Bị đơn ông Nguyễn Quang S trình bày: Bố đẻ ông là ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1938 chung sống với bà L từ năm 1975 có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống tại xóm Mỹ Thọ 1, xã HG, huyện HH, tỉnh Nam Định, ông S và bà L có tạo lập được quyền sử dụng đất khoảng 450 m^2 trên đất có một căn nhà. Cách đây khoảng 10 năm ông S chết, trước khi ông S chết ông S có để lại bản di chúc với nội dung: " Toàn bộ tài sản hiện có như đất thổ cư 450 m^2, một ngôi nhà cấp bốn 3 gian và một số tài sản thường dùng như tủ áo, giường gỗ, sập gỗ loại 4. Số tài sản trên nếu vợ hoặc chồng qua đời trước, người còn lại toàn quyền sử dụng khi nào qua đời thì cả số tài sản trên giao lại cho con trai là Nguyễn Văn S có quyền thừa kế sử dụng và có trách nhiệm phần mộ của cả hai bố mẹ cụ thể là ông Nguyễn Văn S và bà Vũ Thị L. Kể cả hương nến cầu nguyện lễ tết hàng năm, ông S hoàn toàn chịu trách nhiệm". bản di chúc do ông S và bà L cùng lập, có ông Mai Văn Đông là người làm chứng ký vào bản di chúc và đã được Ủy ban nhân dân xã Hải Giang xác nhận, tại tờ di chúc ghi tên là Nguyễn Văn S là do người khác viết, ông S không biết ai viết ghi tên ông là Nguyễn Văn S, sau đó ông S được đọc lại và ký tên vào bản di chúc, ông S khẳng định tên chính xác của ông là Nguyễn Quang S, bản di chúc gốc đang do ông S giữ. Nay bà L khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế diện tích đất 100 m^2 tại thửa số 68 tờ bản đồ số 21 xã HG, huyện HH, tỉnh Nam Định ông S không đồng ý. Ông S yêu cầu được giữ lại tài sản trên để sau này làm nơi thờ cúng cho ông S và bà L.

Tại phiên toà hôm nay, bà Vũ Thị L vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày, bà L có bổ sung khi ông S chết một mình bà phải lo tất cả mọi thủ tục để mai táng cho ông S như mua quan tài hết 10.000.000đ, các chi phí khác phục vụ đám tang là 5.000.000đ, cách đây 7 năm bà đã cải táng và xây mộ cho ông S hết 18.000.000đ, bà L đề nghị dùng phần di sản của ông S để thanh toán cho đám tang

và xây mộ cho ông S, bà L khẳng định ngoài diện tích 100 m^2 bà L và ông S không còn tài sản chung gì. Ông Nguyễn Quang S vắng mặt có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 21; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thông qua việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Do bản di chúc chung giữa ông Nguyễn Văn S và bà Vũ Thị L đến nay phần của ông S đã có hiệu lực pháp luật, xét thấy bản di chúc đã thể hiện đúng ý trí, nguyện vọng của ông S trước khi chết, bản di chúc tuy ông S và bà L nhờ người khác viết hộ, ông, bà đã ký vào bản di chúc và đã có xác nhận của chính quyền địa phương nên bản di chúc được lập là hoàn toàn hợp pháp, ông S chết ngày 22-5-2003 nên trong bản di chúc chung giữa ông S và bà L đã có hiệu lực đối với phần di sản của ông S để lại.

Áp dụng các Điều 623, 624, 626, 627, 628, 630, 635, 640, 643, 644, 645, 649, 650, 651, 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khi lập di chúc ông S có nguyện vọng sau này dùng di sản của ông vào việcthờ cúng nên phần di sản của ông S sẽ được khấu trừ vào các khoản bà L đã chi phí cho việc mai táng và xây mộ cho ông S theo yêu cầu của bà L là có cơ sở. Trong nội dung của bản di chúc ông S không cho bà L được hưởng phần di sản của ông S nhưng theo quy định tại Điều 644 Bộ Luật dân sự năm 2015 bà L vẫn được hưởng hai phần ba suất của một người thừa kế theo pháp luật, cần chia cho bà L hưởng một phần di sản của ông S, phần di sản còn lại của ông S sẽ được chia hết cho ông S là phù hợp. Do bà L đã già yếu, neo đơn không có chỗ ở nào khác nên giao toàn bộ thổ đất cho bà L sử dụng và cần buộc bà L thanh toán giá trị cho ông S được hưởng là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông Nguyễn Quang S đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng, bản thân ông S đã có ý kiến xin được vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông S.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Vũ Thị L có đơn khởi kiện "Tranh chấp chia di sản thừa kế" theo khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] *Về nội dung vụ án:* Bà Vũ Thị L nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn S đang nằm trong khối tài sản chung với bà Vũ Thị L là một

nửa thổ đất tại tờ bản đồ số 21, số thửa 68 của xã Hải Giang theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Quang S không đồng ý chia di sản thừa kế của ông S, với lý do để sau này làm nơi thờ cúng cho ông S và bà L.

[4] Xét về yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của bà Vũ Thị L thì thấy: Trước đây nguồn gốc thổ đất là tài sản riêng của bà L nhưng khi bà kết hôn với ông S bà đã tự nguyện nhập vào làm tài sản chung từ năm 1978, trước đây tại bản đồ 299 có diện tích 163 m^2 nhưng đến bản đồ năm 1998, tại sổ mục kê, sổ địa chính diện tích chỉ còn lại 100 m^2 mất đi 63 m^2 do mở đường giao thông nên có thể xác định tài sản chung hợp pháp của bà L và ông S chỉ còn lại diện tích là 100 m^2 tại bản đồ số 21, số thửa 68 của xã Hải Giang, nhà cũ của ông, bà đã bị hư hỏng nên năm 2010 Công ty đường gòn và Cựu thanh niên xung phong đã xây dựng nhà tình nghĩa cho bà L. Bởi vì, thổ đất này đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 08 tháng 7 năm 1998 nên được xác định 1/2 thổ đất có diện tích 100: 2 = 50 m^2 là di sản thừa kế của ông S. Đến nay ông S cũng khẳng định nguần gốc thổ đất đó là tài sản chung của ông S và bà L nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại điều 80 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời điểm mở thừa kế của ông Nguyễn Văn S ngày 22 tháng 5 năm 2003, theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện chia thừa kế của ông S vẫn còn nằm trong thời hiệu khởi kiện. Sau khi ông S chết thổ đất nêu trên chưa phân chia vẫn do bà L quản lý, sử dụng. Trước khi ông S chết ông có nhờ ông Mai Văn Đông viết hộ di chúc chung của vợ chồng, sau đó cả hai vợ chồng ông, bà cùng ký vào và có đưa đến UBND xã Hải Giang xác nhận là hoàn toàn hợp pháp, vì đã thể hiện đúng được ý trí, nguyện vọng của người có di dản để lại. Nội dung của bản di chúc ghi không đúng tên đệm của ông S và diện tích đất thổ cư 450 m^2 nhưng hiện tại thổ đất của bà L và ông S chỉ có 100 m^2, ngôi nhà cũ cấp bốn 3 gian và một số đồ dùng sinh hoạt ghi trong bản di chúc đến nay không còn nên chia di sản thừa kế của ông S theo di chúc và theo pháp luật.

[5] Theo kết quả định giá tài sản ngày 21-7-2017 thì đất ở có giá trị chuyển nhượng của thị trường tại thời điểm hiện nay là 1.800.000 đồng/m^2. Như vậy: Tính giá trị 50 m^2 đất ở x 1.800.000đ/1 m^2 = 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng).

[6] Hàng thừa kế thứ nhất của ông S gồm: Bà Vũ Thị L; ông Nguyễn Quang S. Do vậy diện thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông S có 2 kỷ phần. Di sản của ông S để lại sau khi đã khấu trừ chi phí do bà L đã thanh toán 33.000.000đ dùng vào việc mai táng và xây mộ cho ông S, phần còn lại 57.000.000đ mới đưa ra phân chia. Mặc dù trong nội dung của bản di chúc ông S không cho bà L được hưởng phần di sản của ông S nhưng theo quy định tại Điều 644 Bộ Luật dân sự năm 2015 bà L vẫn được hưởng hai phần ba suất của một người thừa kế theo pháp luật. Phần di sản còn lại sẽ được chia hết cho ông S. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà L có nguyện vọng xin được quản lý, sử dụng cả diện tích 100 m^2 và có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần cho ông S. Xét thấy

diện tích đất này đang do bà L quản lý, sử dụng, bà đã có công trông coi quản lý từ khi ông S chết cho đến nay. Bản thân bà L đã già yếu hơn 80 tuổi đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội người cao tuổi, lại neo đơn không có con cháu, bà không còn chỗ ở nào khác nên giao toàn bộ thổ đất cho bà L được tiếp tục quản lý, sử dụng và cần buộc bà L phải có trách nhiệm thanh toán giá trị cho ông S được chia là phù hợp với các Điều 623, 624, 626, 627, 628, 630, 635, 640, 643, 644, 645, 649, 650, 651, 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vũ Thị L, ông Nguyễn Quang S phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 100, khoản 5,7 điều 166, điểm d khoản 1 điều 169 Luật đất đai năm 2013; Điều 623, 624, 626, 627, 628, 630, 635, 640, 643, 644, 645, 649, 650, 651, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của bà Vũ Thị L, yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn S để lại là hợp pháp.

2. Chia cho bà Vũ Thị L được quyền quản lý, sử dụng diện tích 100 m^2 đất ở tại thửa số 68, tờ bản đồ số 21 của xã HG, huyện HH, tỉnh Nam Định. Nhưng bà L phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Quang S 38.000.000đ (ba mươi tám triệu đồng).

3. Bà L có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4. Án phí: - Bà Vũ Thị L phải nộp 950.000đ (chín trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000đ (một triệu đồng chẵn) tại biên lai số 08946 ngày 04-5-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu, bà Vũ Thị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại bà Vũ Thị L số tiền 50.000đ (năm mươi nghìn đồng).

- Ông Nguyễn Quang S phải nộp 1.900.000đ (một triệu chín trăm nghìn đồng).

5. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự. Người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định: (1 bản);
- VKSND tỉnh+huyện: (2 bản);
- Chi cục THADS huyện: (1 bản);
- UBND xã HG: (1 bản);
- Cấp cho đương sự: (2 bản);
- Lưu hồ sơ: (1 bản);
- Lưu văn phòng: (1 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Lại Văn Tùng